



TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: **04** (85) 2024

ISSN 1859-2635

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ**

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Lưu Thị Diệu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 04 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Bàn về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại khi nguyên đơn khởi kiện chưa có thoả thuận trọng tài 3
Trần Minh Đức, Nguyễn Vĩnh Phú
- Phân quyền trong quản lý nhà nước ở một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam 11
Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với cơ chế điều chỉnh Biên giới Carbon.... 19
Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Hoa Thơm
- Chính sách về bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh.....29
Trần Thị Hoàng Ngân, Đỗ Thu Trang, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Bùi Kiều Anh
- Ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN..... 41
Đoàn Ngọc Phúc
- Nghiên cứu tác động của tài chính công đoàn đến đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động tại doanh nghiệp ở Việt Nam 51
Bùi Minh Chuyên
- Khó khăn và thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa..... 61
Phan Thị Hoàn
- Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số tại tỉnh Thừa Thiên Huế -Thực trạng và một số vấn đề đặt ra hiện nay..... 71
Trương Thùy Hương
- Tác động của cảm xúc hoài niệm đến ý định quay lại điểm đến du lịch: Trường hợp thành phố Huế 80
Nguyễn Thị Thanh Thảo, Dương Thị Dung Hạnh, Nguyễn Hữu Tuệ Tĩnh
- Ảnh hưởng của nhân tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế khu vực dịch vụ thành phố Đà Nẵng 93
Phạm Quang Tín
- Tăng trưởng kinh tế và đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên..... 104
Lê Công Hường
- Công bằng tổ chức, tính hững hờ tập thể và lòng trung thành nhân viên - nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... 114
Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn
- Biến đổi văn hóa tại các làng nghề truyền thống của Hội An dưới tác động của du lịch..... 127
Võ Hữu Hòa
- Quan điểm về “bát mục” trong triết học của Khổng Tử..... 137
Võ Văn Dũng
- Ảnh hưởng nho giáo trong nội dung sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu 144
Phan Thúy Hằng

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 04 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiểu tháng 12/2024.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 04, 2024

The 17th Year

Contents

1. Discussing the resolution of disputes arising from commercial activities when the plaintiff files a lawsuit without an arbitration agreement**3**
Tran Minh Duc, Nguyen Vinh Phu
 2. Decentralization in state management in some countries and lessons for Vietnam..... **11**
Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy
 3. Policies to support Vietnamese businesses in adapting to the Carbon Border adjustment mechanism.....**19**
Bui Quang Tuan, Tran Thi Hoa Thom
 4. Equality and inclusion policies for disadvantaged people in green transformation**29**
Tran Thi Hoang Ngan, Do Thu Trang, Nguyen Thi My Hanh, Bui Kieu Anh
 5. The interaction effect between technological innovation and institutional quality on economic growth in ASEAN countries.....**41**
Doan Ngoc Phuc
 6. The impact of trade union finance on ensuring social security for employees in Vietnamese enterprises**51**
Bui Minh Chuyen
 7. Difficulties and advantages in accessing formal credit capital for women-owned small and medium enterprises**61**
Phan Thi Hoan
 8. Tax Management for E-Commerce and Digital Platform Based Business Activities in Thua Thien Hue Province - Current Situation and Emerging Issues.....**71**
Truong Thuy Huong
 9. The impact of nostalgic emotions on revisit intention to tourist destination: The case of Hue city.....**80**
Nguyen Thi Thanh Thao, Duong Thi Dung Hanh, Nguyen Huu Tue Tinh
 10. Influence of production factors on economic growth in the service sector of Da Nang city ..**93**
Pham Quang Tin
 11. Economic growth and the contribution of sectors and economic components to the economic development of Phu Yen province.**104**
Le Cong Huong
 12. Organizational justice, social loafing, and employee loyalty: A study in Ho Chi Minh city... **114**
Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan
 13. Cultural changes in traditional craft villages of Hoi An under the impact of tourism.....**127**
Vo Huu Hoa
 14. The concept of "eight steps" in Confucius' philosophy..... **137**
Vo Van Dung
 15. The influence of Confucianism in Nguyen Dinh Chieu's creative works.....**144**
Phan Thuy Hang
-

Chính sách về bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh

Trần Thị Hoàng Ngân, Đỗ Thu Trang,

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Bùi Kiều Anh

Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Email liên hệ: trangdt.vids@mpi.gov.vn

Tóm tắt: Chuyển đổi xanh là xu thế tất yếu và không thể đảo ngược trong bối cảnh phát triển chung của cả thế giới. Ở nước ta, Đảng và Nhà nước đã quyết tâm đề ra những chủ trương, định hướng đúng đắn và ngày càng toàn diện để chủ động thích ứng và khai thác hiệu quả các tiềm năng, cơ hội phù hợp với xu thế này; trong đó, đảm bảo bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong chuyển đổi xanh là hết sức cần thiết, thể hiện rõ quan điểm “không để ai bị bỏ lại phía sau” trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. Sử dụng các dữ liệu thứ cấp, thông qua phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh, bài viết nghiên cứu hiện trạng chính sách cụ thể hóa những chủ trương, định hướng trên, tập trung vào các lĩnh vực việc làm, giáo dục - đào tạo, y tế, thông tin, năng lượng và khả năng tiếp cận tài chính. Từ đó, nhận định về những kết quả đạt được, các hạn chế còn tồn tại và khuyến nghị một số giải pháp đảm bảo sự hòa nhập và phát triển của người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh.

Từ khóa: người yếu thế, chuyển đổi xanh, chính sách.

Equality and inclusion policies for disadvantaged people in green transformation

Abstract: Green transformation is a necessary and irreversible trend in the global development context. The Vietnamese Communist Party and the State have set out sound and increasingly comprehensive policies to proactively adapt and effectively exploit potential opportunities in line with this trend. Ensuring equality and inclusion for disadvantaged people in green transformation is essential, clearly reinstating the country's commitment to the “Leaving no one behind” viewpoint in its sustainable development pathway. Using secondary data and employing the methods of synthesis and comparison analysis, the article explores how these policies and orientations are translated into practice, focusing on employment, education - training, healthcare, information, energy, and financial accessibility. Based on analyzing achievements and existing limitations, the articles proposes solutions to further promote the inclusion and development of the disadvantaged people in the green transformation.

Keywords: the disadvantaged people, green transformation and policies.

Ngày nhận bài: 10/9/2024; **Ngày phản biện:** 20/9/2024; **Ngày duyệt đăng:** 25/11/2024

1. Đặt vấn đề

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021) đã xác định mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi xanh” trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm. Để đạt được mục tiêu này, một số giải pháp quan trọng cần tập trung thực hiện nhằm nâng cao khả năng và đảm bảo người yếu thế được tiếp cận bình đẳng với tài chính xanh, thông tin, dịch vụ xã hội cơ bản, có việc làm phù hợp trong quá trình chuyển đổi xanh, đặc biệt nhấn mạnh vào nhóm đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tính đến cuối năm 2023, cả nước có khoảng 3,37% hộ nghèo đa chiều,

khoảng 19,7% là hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đa chiều. Việt Nam có khoảng 7 triệu người khuyết tật, trong đó khoảng 87,3% người khuyết tật sống ở nông thôn và thường có tỷ lệ thuộc diện nghèo và cận nghèo cao gấp 3 lần bình quân cả nước (Thanh Hoa, 2023). Đây là nhóm người yếu thế gặp nhiều khó khăn và dễ bị tổn thương trong cuộc sống, không chỉ ở sinh kế, việc làm mà còn ở cả các khía cạnh tiếp cận nguồn lực tài chính, thông tin và năng lượng, dịch vụ xã hội (nhất là là giáo dục - đào tạo, y tế), ảnh hưởng đến quá trình phát triển bền vững trong dài hạn của chính họ cũng như đối với cả nước. Trong khi đó, để đáp ứng yêu cầu sơ kết Chiến lược tăng trưởng xanh vào năm 2025, việc rà soát, đánh giá các chính sách, quy định pháp luật về chuyển đổi xanh cho người yếu thế là cần thiết để từ đó có thể thúc đẩy xây dựng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm này trong quá trình chuyển đổi xanh.

2. Lý luận chung về thúc đẩy bình đẳng và bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh

2.1. Quan niệm về chuyển đổi xanh

Chuyển đổi xanh là quá trình không thể đảo ngược trong tiến trình thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu. Ở nước ta, quan niệm chính thức về chuyển đổi xanh đã được đưa ra trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, chuyển đổi xanh là quá trình chuyển đổi toàn diện sang nền kinh tế xanh, phát thải thấp hướng tới mục tiêu thịnh vượng và bền vững. Chuyển đổi xanh chính là quá trình thay đổi tất cả các hoạt động của nền kinh tế từ sản xuất, tiêu dùng, lối sống... để không ngừng tăng trưởng (mở rộng quy mô kinh tế) nhưng phải đảm bảo không làm tổn hại đến khả năng phát triển của các thế hệ tương lai trên cả ba trụ cột về kinh tế - xã hội và môi trường. Trọng tâm của chuyển đổi xanh là cắt giảm khí thải nhà kính, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số.

Để đạt được mục tiêu của chuyển đổi xanh, quá trình này phải được thực hiện theo nguyên tắc "bình đẳng" và "bao trùm". Theo Bùi Tất Thắng (2017), bình đẳng được hiểu là một quá trình mang lại sự công bằng (như nhau) cho tất cả các cá nhân trong xã hội về cơ hội, tiếp cận nguồn lực và thụ hưởng kết quả phát triển tương ứng với sức lực, khả năng và trí tuệ của họ. Tính bao trùm thể hiện tính chất tham gia của tất cả mọi người, tất cả các bên liên quan, cùng đóng góp và hưởng lợi từ kết quả của quá trình phát triển bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau. Trong quá trình phát triển, cần tập trung vào những người yếu thế bởi đây là những đối tượng khó tiếp cận nhất trong quá trình phát triển nhanh và bền vững ở nước ta.

Như vậy, quá trình chuyển đổi xanh cần có các chính sách khuyến khích, ưu đãi phù hợp để đảm bảo những người yếu thế, dễ bị tổn thương được tiếp cận đối với nguồn lực (nhất là tài chính), thông tin, các dịch vụ xã hội cơ bản (như giáo dục, đào tạo, y tế...), năng lượng, việc làm và thụ hưởng thành quả phát triển (thu nhập tăng lên, tỷ lệ nghèo giảm, môi trường sống trong lành...) phù hợp với khả năng đóng góp của họ từ quá trình cắt giảm khí thải nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của nền kinh tế.

2.2. Tác động của chuyển đổi xanh đối với người yếu thế

Phân tích, so sánh và đánh giá đa chiều từ nghiên cứu của các tổ chức quốc tế (như ILO, UNEP, Global Green Growth Institute...) và nhiều học giả (Hofman và cộng sự, 2022; Jamalishahni và cộng sự, 2023) cho thấy, chuyển đổi xanh mang lại nhiều tác động tích cực đến đời sống của người yếu thế về thúc đẩy tiếp cận tài chính xanh, thông tin, năng lượng và các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục - đào tạo, y tế), việc làm xanh, cải thiện sinh kế, giảm

nghèo. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi xanh cũng gây ra một số tác động tiêu cực và tiềm ẩn những thách thức đối với đảm bảo bình đẳng và bao trùm cho người yếu thế. Đánh giá tác động của chuyển đổi xanh đến người yếu thế theo ba trụ cột của phát triển bền vững (kinh tế - xã hội - môi trường) được khái quát như sau:

Bảng 1: Tác động của chuyển đổi xanh đối với người yếu thế

Các lĩnh vực	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ hội mới về gia tăng thu nhập từ các lĩnh vực kinh tế xanh như du lịch sinh thái, nông nghiệp sinh thái... - Tiếp cận các nguồn tài chính xanh (như chứng chỉ Carbon) 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng chi phí đầu tư vào sản xuất do phải chuyển đổi quy trình sản xuất theo tiêu chí xanh trong ngắn hạn - Chi phí tiêu dùng tăng
Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều việc làm mới trong các ngành năng lượng tái tạo, xử lý rác thải, sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường... - Được đào tạo nhiều kỹ năng mới, sử dụng hệ thống cơ sở vật chất xanh-sạch-đẹp hơn - Sức khỏe người yếu thế được cải thiện nhờ môi trường sống tốt hơn - Gia tăng cơ hội tiếp cận thông tin bởi chuyển đổi xanh và chuyển đổi số cần đồng hành cùng nhau - Đảm bảo tiếp cận năng lượng công bằng hơn - Đảm bảo nhà ở ổn định, bền vững và thân thiện với môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Mất việc làm tại một số ngành truyền thống như nhiệt điện, than, xi măng, sắt thép... hoặc các ngành có yêu cầu cao hơn về kỹ năng - Ảnh hưởng đến sinh kế, văn hóa bản địa do mất đất để phát triển dự án năng lượng tái tạo - Gia tăng khoảng cách giàu - nghèo
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng môi trường sống tốt hơn - Giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, tăng khả năng chống chịu và thích ứng 	

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu từ ILO (2023), Global Green Growth Institute (2020), UNEP (2011), Hofman và cộng sự (2022) và Jamalishahni và cộng sự (2023)

3. Kinh nghiệm của một số nước trong thúc đẩy bình đẳng và bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh

3.1. Kinh nghiệm của Na Uy trong giải quyết mâu thuẫn về sinh kế với người dân khi phát triển dự án năng lượng gió

Theo Tòa án Tối cao Na Uy (Supreme Court of Norway, 2021), Tổng cục Năng lượng và Tài nguyên Nước Na Uy đã cấp giấy phép cho các dự án xây dựng trang trại điện gió Roan và Storheia, cùng nhiều trang trại khác vào năm 2010. Những dự án này nằm trong khu chăn thả ở đảo Fosen, nơi người bản địa Sami (chiếm khoảng 1% dân số Na Uy) chăn nuôi tuần lộc. Những người Sami cho rằng việc triển khai dự án điện gió ảnh hưởng đến sinh kế và nền văn hóa bản địa, nhưng đề nghị này đã bị Bộ Dầu khí và Năng lượng bác bỏ

vào năm 2013. Do đó, các dự án này vẫn được xây dựng và đã đi vào hoạt động từ năm 2019. Điều này đã tiếp tục làm gia tăng mâu thuẫn giữa người Sami bản địa bị ảnh hưởng với những doanh nghiệp triển khai các dự án điện gió, dẫn đến các cuộc khiếu kiện kéo dài. Đến tháng 10/2021, Tòa án Tối cao Na Uy đã ra kết luận chuyển đổi xanh là cần thiết và tăng cường sản xuất năng lượng tái tạo là rất quan trọng đối với quá trình phát triển. Nhưng các dự án năng lượng gió đã làm cho nhiều diện tích trồng cỏ ở Fosen bị biến mất và đe dọa sự tồn tại của ngành chăn nuôi tuần lộc trên Fosen trừ khi có các biện pháp khắc phục thỏa đáng và phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án lại không đưa ra các biện pháp cụ thể về tương lai hoạt động của các trang trại gió và bồi thường thiệt hại cho người Sami. Vì vậy, tranh chấp lại tiếp diễn đến đầu tháng 3/2024 mới tạm thời dừng lại. Theo Symons (2024), các bên đã đạt được sự đồng thuận và cho phép các dự án điện gió được tiếp tục hoạt động nhưng phải để người Sami sử dụng một phần điện từ các dự án này. Đồng thời, vùng này phải quy hoạch một khu vực mới để chăn thả tuần lộc, đảm bảo sinh kế cho người dân và trợ cấp khoảng 440 nghìn Euro để củng cố văn hóa của người Sami bản địa.

3.2. Kinh nghiệm của Phần Lan trong đẩy mạnh tiếp cận thông tin và tăng cường sự tham gia của người yếu thế

Theo Bộ Môi trường của Phần Lan (2024), trụ cột chính trong chính sách khí hậu của Phần Lan là Đạo luật Khí hậu quốc gia được ban hành trong năm 2022, đặt ra các mục tiêu giảm phát thải cho các năm 2030, 2040 và 2050, tương ứng với tỷ lệ giảm 60%, 80% và 90% so với mức của năm 1990; hướng đến đạt trung hòa Carbon vào năm 2035. Trong quá trình xây dựng Đạo luật này, Chính phủ Phần Lan đã đảm bảo quyền tự do ngôn luận của người dân, nhất là xem xét kỹ lưỡng các quyền của người yếu thế cả trong giai đoạn tham vấn và đánh giá tác động của Đạo luật.

Trong quá trình xây dựng chính sách về thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện chuyển đổi xanh, các cơ quan của Phần Lan đã xây dựng nhiều trang web, bao gồm cả video bằng ngôn ngữ ký hiệu và chú thích phù hợp để người yếu thế có thể tiếp cận được nhanh chóng và dễ dàng (Văn phòng về Quyền con người của Liên Hợp Quốc - OHCHR, 2021). Chẳng hạn như Bộ Giao thông và Truyền thông đã sản xuất một video về biến đổi khí hậu bằng ngôn ngữ dành cho người khiếm thính. Ngoài ra, trang web Vernerinet cũng góp phần cung cấp thông tin về biến đổi khí hậu bằng chữ nổi cho người khiếm thị. Theo báo cáo của Bộ Các vấn đề kinh tế và Việc làm năng lượng (Huttunen và cộng sự, 2024), Bộ Môi trường đã dành nhiều thời gian để đàm phán với đại diện cho người dân tộc thiểu số ở quốc gia này về các biện pháp để thực hiện chuyển đổi sang cơ chế phát thải Carbon thấp mà quá trình này không gây ảnh hưởng đến sinh kế và văn hóa bản địa. Trong quá trình thực hiện các cuộc đối thoại, Thanh tra Nghị viện Phần Lan và Bộ trưởng Tư pháp có nhiệm vụ giám sát hành động của các cơ quan công quyền một cách độc lập và sẽ xử lý các khiếu nại của người dân, nhất là người yếu thế, đặc biệt là trẻ em trong bối cảnh tăng cường giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

3.3. Kinh nghiệm Trung Quốc về tạo việc làm và thúc đẩy giảm nghèo

Trong bối cảnh phát triển bền vững diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, Trung Quốc đã đẩy mạnh các chính sách kết hợp giữa “phát triển xanh” với “giảm nghèo”, gọi chung là “giảm nghèo xanh”. Trong đó, đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo là một trọng tâm hàng đầu trong chương trình giảm nghèo ở Trung Quốc kể từ năm 2013 (Geall và cộng sự, 2017; Zhang và cộng sự, 2020). Sau khi được thực hiện thí điểm tại tỉnh An Huy, Chương trình phát triển năng lượng mặt trời (còn gọi là Chương trình điện quang) đã được triển khai tại 16 tỉnh, 471 huyện và hỗ trợ khoảng 2 triệu hộ gia đình nghèo. Chương trình đã

được tài trợ từ ngân sách nhà nước, các nhà tài trợ quốc tế và doanh nghiệp để hỗ trợ các hộ gia đình lắp đặt tấm pin mặt trời và xây dựng các nhà máy sản xuất điện mặt trời tại các khu vực không thể trồng trọt. Ngân hàng phát triển nông nghiệp Trung Quốc cũng áp dụng lãi suất ưu đãi thấp hơn khoảng 10% so với lãi suất cơ bản của ngân hàng trung ương khi cho vay đầu tư vào các dự án thuộc Chương trình này. Tính đến cuối năm 2018, tổng cộng 15,44 triệu kW điện quang giảm nghèo đã được tạo ra, giúp tăng thu nhập khả dụng bình quân đầu người khoảng 7–8%. Hiệu quả của Chương trình thường tăng lên theo thời gian từ hai đến ba năm sau khi thực hiện và có tác động mạnh hơn ở các khu vực nghèo hơn.

Như vậy, kinh nghiệm quốc tế cho thấy thúc đẩy bình đẳng và bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh là một trọng tâm ưu tiên của nhiều quốc gia để đảm bảo sự thịnh vượng về kinh tế phải luôn đi cùng môi trường xanh, sạch và xã hội hài hòa. Để thực hiện thành công mục tiêu này, cần có các chính sách cụ thể tập trung vào tạo sinh kế, việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là thông qua đẩy mạnh các dự án phát triển năng lượng tái tạo, trồng rừng, phát triển sinh thái... Trong quá trình xây dựng chính sách, phải chú trọng đối thoại với người yếu thế kết hợp với quy trình giám sát minh bạch, rõ ràng để củng cố niềm tin, phát huy vai trò, sự tham gia tích cực của người yếu thế vì sự phát triển bền vững.

4. Thực trạng chính sách đảm bảo bình đẳng và bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh ở nước ta

4.1. Tổng quan chính sách đảm bảo bình đẳng và bao trùm cho người yếu thế

Các chủ trương, định hướng đúng đắn của Đảng và Nhà nước về thúc đẩy hòa nhập bao trùm, bình đẳng và công bằng cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh được cụ thể hóa trong các chính sách tiếp cận tài chính xanh, thông tin, năng lượng, giáo dục – đào tạo, y tế và tạo việc làm, như sau:

a) Trong lĩnh vực tài chính xanh

Chính sách hỗ trợ tài chính xanh trực tiếp cho người yếu thế hiện nay chủ yếu tập trung trong lĩnh vực trồng, bảo vệ rừng và phát triển kinh tế rừng. Theo Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 về quy định khoán rừng, các cá nhân, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số và cá nhân, hộ gia đình người Kinh nghèo được ưu tiên trong nhận khoán rừng. Khi tham gia phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng trong phạm vi của Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi theo Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 14/10/2024, người dân được nhận hỗ trợ tài chính từ nguồn ngân sách trung ương; riêng cá nhân, hộ gia đình tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ còn được nhận cả trợ cấp gạo.

Tuy nhiên, hệ sinh thái gồm các chính sách phục vụ khai thác tiềm năng của những khu vực có đồng đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo sinh sống trở thành nguồn lực tài chính hỗ trợ cho người yếu thế còn thiếu và yếu, nhất là từ kinh doanh tín chỉ Carbon rừng. Theo Cục Lâm nghiệp (2024), Việt Nam đang triển khai duy nhất một Chương trình chuyển nhượng kết quả giảm phát thải/tín chỉ Carbon rừng từ vùng Bắc Trung Bộ cho Ngân hàng Thế giới với tổng giá trị là 51,5 triệu USD. Nhưng Việt Nam cũng đang gặp khó khăn trong xác định quyền sở hữu Carbon rừng, cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ Carbon rừng để có thể phân chia lợi ích cho các bên tham gia. Một số tỉnh như Quảng Nam, Sơn La, Lào Cai, Thanh Hóa đã đề xuất xây dựng và triển khai đề án thí điểm đầu tư, kinh doanh tín chỉ Carbon rừng nhưng chưa thực hiện được do thiếu quy định pháp luật và các hướng dẫn chi tiết.

b) Trong lĩnh vực tiếp cận thông tin

Các chính sách hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật được tiếp cận thông tin về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và các nội dung liên quan đến chuyển đổi xanh, từng bước thay đổi lối sống, thói quen tiêu dùng và sản xuất theo hướng xanh hơn đã được triển khai trên cả ba khía cạnh gồm: đảm bảo phủ sóng rộng rãi trên cả nước, hỗ trợ điện thoại thông minh và hỗ trợ cước thuê bao. Các chương trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng thông rộng đã được ưu tiên thực hiện tại vùng sâu, vùng xa, vùng gặp khó khăn trên cả nước theo các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của nhà nước. Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai chính sách không cho phép các dòng điện thoại phổ thông công nghệ 2G được sử dụng từ tháng 10/2024 và dự kiến tắt sóng 2G hoàn toàn trong tháng 9/2026 để thúc đẩy chuyển đổi số, cũng như giúp giảm ô nhiễm điện từ do mạng 2G tiêu tốn nhiều năng lượng để phát sóng (Tùng Lâm, 2024). Trong quá trình thực hiện, người nghèo và cận nghèo chuyển đổi máy điện thoại 2G, 3G lên điện thoại thông minh sử dụng 4G sẽ được hỗ trợ lên đến 500 nghìn đồng/máy từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích (Hoàng Linh, 2024). Nhiều dự án hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số hay các dự án tăng cường truyền thông và giảm nghèo về thông tin đã được triển khai góp phần nâng cao nhận thức cho người yếu thế về chuyển đổi xanh.

c) Trong lĩnh vực năng lượng

Các chính sách đưa điện về khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo được triển khai mạnh mẽ bằng các Chương trình phát triển tổng thể trong giai đoạn 2013 - 2020 đã nâng tỷ lệ hộ có điện sử dụng ở nông thôn từ 96,6% năm 2012 lên 99,5% năm 2022 (GSO, 2023), góp phần đẩy mạnh giảm nghèo và phát triển bền vững. Đồng thời, Chương trình cũng nhấn mạnh mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, nhất là các khu vực biên giới, khu vực đặc biệt khó khăn bằng việc đầu tư xây dựng các dự án cấp năng lượng tái tạo. Chẳng hạn, tại tỉnh Cao Bằng, giải pháp này đã giảm suất đầu tư trung bình từ khoảng 450 triệu đồng/hộ nếu đầu tư lưới điện xuống còn khoảng 80 triệu đồng/hộ khi cấp điện bằng năng lượng tái tạo, giúp người dân có điện sinh hoạt, nâng cao dân trí. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai còn xảy ra tình trạng lãng phí, hư hỏng tại các dự án điện mặt trời, nguyên nhân chủ quan là do thiếu các cơ chế giám sát, theo dõi và xử lý kịp thời (UNCIEF, 2023). Ngoài ra, chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2021-2025 dự kiến cấp điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng lượng tái tạo khoảng 62 nghìn hộ dân hiện chưa được cấp vốn do những vướng mắc về thủ tục đầu tư.

d) Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo

Các chính sách quan tâm đến phát triển năng lượng tái tạo đã thúc đẩy lắp đặt điện mặt trời tại nhiều điểm trường tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, giúp trẻ em của nhiều hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số cải thiện môi trường học tập và chăm sóc sức khỏe. Trong lĩnh vực đào tạo, Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 về phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 đưa ra khuyến khích những cơ sở chuyên biệt dành cho người khuyết tật và đồng bào dân tộc thiểu số tham gia đào tạo các ngành trọng điểm (như du lịch sinh thái, công nghệ kỹ thuật môi trường, vận hành nhà máy thủy điện, lâm sinh) đều được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách của địa phương và từ các chương trình, dự án trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo cơ chế hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn của ngân sách Trung ương. Tuy nhiên, chính sách cụ thể hóa về mức độ hỗ trợ, thời gian hỗ trợ... đến nay vẫn còn thiếu để có thể hiện thực hóa những quy định nói trên.

đ) Trong lĩnh vực y tế

Ngành y tế đã đẩy mạnh phát triển cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp và ban hành các quy định hướng dẫn cụ thể cho từng tiêu chí, góp phần phòng chống nhiễm khuẩn, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và sự hài lòng của bệnh nhân nói chung và người yếu thế nói riêng. Các cơ sở y tế đều được bố trí kinh phí để xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định trong quá trình triển khai Chương trình nông thôn mới, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Mặt khác, các chính sách thúc đẩy khám chữa bệnh từ xa giữa bệnh viện y tế tuyến trên và bệnh viện y tế tuyến dưới giúp đạt được cả hai mục tiêu kép là tăng cường tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng cho người dân ở vùng nông thôn, đặc biệt người dân vùng sâu, xa, khó khăn và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi xanh nhờ giảm thiểu được lượng phát thải khí nhà kính, do một lượng lớn các bệnh nhân không phải di chuyển lên các cơ sở y tế tuyến trên.

e) Trong lĩnh vực tạo sinh kế, việc làm

Chính sách tín dụng về tạo việc làm đã đưa ra những ưu đãi chung đối với người yếu thế nhưng chưa có các khuyến khích trực tiếp về tạo việc làm xanh. Do đó, phát triển việc làm xanh chủ yếu là thông qua cơ chế lồng ghép. Luật Việc làm 2013 và các văn bản liên quan như Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 khuyến khích người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật được vay vốn tối đa 100 triệu đồng. Kết quả có khoảng 110 nghìn lao động là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo được hỗ trợ từ Quỹ việc làm quốc gia và Ngân hàng Chính sách xã hội (Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội, 2024). Qua đó, nhiều mô hình về nông nghiệp hữu cơ, du lịch xanh mang đặc trưng văn hóa sinh thái của đồng bào dân tộc đã được phát triển, thúc đẩy tạo việc làm cho người dân.

Chính sách ưu tiên tạo việc làm cho người yếu thế thông qua các dự án xanh sử dụng vốn nhà nước cũng được lồng ghép trong quá trình triển khai Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Nhiều việc làm đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đã được tạo ra khi thực hiện các dự án phù hợp với chuyển đổi xanh như xây dựng hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, trồng rừng.

4.2. Đánh giá chung về chính sách thúc đẩy bình đẳng và bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh ở nước ta

Các chính sách đảm bảo bình đẳng và bao trùm cho người yếu thế như được đề cập ở trên đã góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh ở nước ta. Điều này được minh chứng khi chỉ số tăng trưởng xanh (Green Growth Index -GGI) của Việt Nam năm 2022 đã vươn lên xếp vị trí thứ 16/45 quốc gia được xếp hạng trong khu vực châu Á (GGGI, 2023). Tuy nhiên, các chính sách này cũng còn nhiều hạn chế, tồn tại để đảm bảo thúc đẩy sự tham gia và phát huy vai trò của người yếu thế:

- *Về tính kịp thời của chính sách:* Các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về tăng cường sự hòa nhập của người yếu thế trong quá trình phát triển bền vững nói chung và trong quá trình chuyển đổi xanh nói riêng đã được ban hành tương đối kịp thời, phù hợp với xu thế chung của thế giới và những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Hành lang pháp lý thúc đẩy chuyển đổi xanh dần hoàn thiện, từng bước tạo cơ sở vững chắc trong quá trình triển khai. Nhưng nhiều chính sách dành riêng cho người yếu thế mới dừng lại ở mức đặt ra mục tiêu và định hướng. Những ưu đãi, khuyến khích cho người yếu thế đa phần được lồng ghép vào nhiều chính sách, chương trình, dự án phát triển chung của cả nước nhưng quá trình triển khai còn chậm; nhiều định hướng về việc làm xanh, tài chính xanh... còn thiếu

các hướng dẫn cụ thể. Một số vấn đề vướng mắc còn tồn tại, chậm được giải quyết như vấn đề đền bù đất đai khi thu hồi đất của nhiều hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện các dự án năng lượng tái tạo chưa thỏa đáng.

- *Về phạm vi bao phủ của chính sách:* Các lĩnh vực hòa nhập cho người yếu thế được quan tâm tương đối toàn diện, trải rộng từ tiếp cận thông tin, năng lượng, giáo dục - đào tạo, y tế cho đến sinh kế, việc làm, ngày càng phù hợp hơn điều kiện, tiềm năng của người yếu thế và xu thế chuyển đổi xanh. Các chính sách đã chú trọng đến mục tiêu đưa người yếu thế tham gia trực tiếp hơn vào quá trình tạo ra thành quả của phát triển, thay vì chỉ dựa vào các chính sách điều tiết lại thu nhập, khiến người yếu thế ở trạng thái bị động, lãng phí lớn nguồn lực xã hội. Tuy nhiên, mức độ bao phủ chưa đủ sâu ở từng lĩnh vực, chẳng hạn các chính sách về phát triển sinh kế, giảm nghèo chủ yếu quan tâm đến khía cạnh trồng rừng và thiếu các trọng tâm cụ thể về phát triển nông nghiệp xanh, hay thiếu đầu tư khuyến khích các ngành tiểu thủ công nghiệp phù hợp với quá trình cắt giảm phát thải. Hiện cũng còn những khoảng trống trong các chính sách riêng về bảo đảm an sinh xã hội cho người yếu thế, góp phần giảm thiểu tối đa những tổn thương, rủi ro mà người yếu thế gặp phải trong chuyển đổi xanh.

- *Tính phù hợp của chính sách:* Nhà nước đã có các ưu đãi, hỗ trợ cho người yếu thế về vốn, trợ cấp thanh toán dịch vụ viễn thông, điện hay khoán trồng rừng.... Song, các mức hỗ trợ này nhìn chung còn thấp, chưa phù hợp với thực tiễn, ảnh hưởng đến tính hiệu quả của các chính sách. Khi tham gia tắt sóng 2G để góp phần giảm phát thải khí nhà kính, người nghèo được hỗ trợ tối đa là 500 nghìn đồng số tiền này thực tế chưa đủ để mua được điện thoại thông minh (FPT, 2024). Mức khoán để bảo vệ rừng đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) là 400.000 đồng/ha/năm là quá thấp so với thu nhập trung bình hiện nay ở nước ta, với mức bình quân 4,9 triệu/người/tháng (Tổng cục Thống kê, 2024) và cũng rất thấp để người dân trang trải chi phí cuộc sống.

- *Về tính khả thi của chính sách:* Nhiều chính sách được ban hành đi kèm là các cam kết về nguồn lực tài chính rõ ràng. Quá trình này cũng đã nhận được sự ủng hộ của xã hội và cộng đồng thông qua hoạt động hỗ trợ của doanh nghiệp và tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện, chưa thể đảm bảo đủ nguồn vốn như cam kết. Chẳng hạn, theo Kiểm toán nhà nước, Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2016-2020 chưa đạt mục tiêu theo kế hoạch do nguồn vốn bố trí thực hiện Chương trình chỉ đáp ứng được 18,5% theo nhu cầu; dẫn đến số hộ dân được cấp điện từ các nguồn chỉ đạt 19% theo mục tiêu đề ra (Đ.Khoa, 2023).

- *Về tính bền vững của chính sách:* Các chính sách liên quan đến công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các chính sách và kết quả hòa nhập của người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh chưa thực sự được chú trọng. Một mặt, hiện còn thiếu các quy định về tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi xanh như các mức thưởng, chính sách ưu đãi, xử lý khi không hoàn thành nhiệm vụ/mục tiêu đề ra, nhất là các chế tài nghiêm minh đối với những hành vi xâm phạm môi trường. Đồng thời, hiện cũng thiếu những quy định cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong quá trình triển khai, dẫn đến thiếu các chính sách điều tiết lợi ích các bên liên quan trong đảm bảo công bằng và bền vững trong quá trình chuyển đổi xanh. Điều này phần nào làm giảm sự đồng thuận của người yếu thế đến tính bền vững của chính sách.

4.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Chuyển đổi xanh là một quá trình xanh hóa toàn diện từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh đến lối sống và thói quen tiêu dùng. Đây là vấn đề lớn và phức tạp, chứa đựng nhiều

thách thức mà các quốc gia đều cần nhiều thời gian để có thể thích ứng linh hoạt, nhất là đảm bảo bình đẳng và bao trùm cho người yếu thế. Tuy nhiên, những hạn chế, tồn tại nêu trên còn xuất phát những nguyên nhân chủ yếu khác, có thể được chỉ ra như sau:

Khung pháp lý về chuyển đổi xanh chưa hoàn thiện để tạo căn cứ vững chắc cho cụ thể hóa các chính sách hòa nhập cho người yếu thế, nhất là danh mục phân loại xanh cấp quốc gia phù hợp với điều kiện của Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế.

Nguồn lực cho chuyển đổi xanh và hòa nhập của người yếu thế chưa được bảo đảm đầy đủ, thiếu tính dài hạn. Việt Nam vẫn còn là một nước có thu nhập trung bình thấp, khả năng tích lũy còn hạn chế nên khả năng bố trí vốn cho nhiều dự án lớn cũng bị ảnh hưởng. Trong khi đó, nguồn lực của các doanh nghiệp Việt Nam tham gia quá trình chuyển đổi xanh cũng bị hạn chế bởi hơn 97% là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhận thức của một số bộ, ngành, chính quyền địa phương và người yếu thế về chuyển đổi xanh còn chưa thực sự đúng và đủ về tầm quan trọng cũng như tính cấp thiết và sự ưu tiên của quá trình này. Đội ngũ cán bộ xây dựng và thực thi chính sách về chuyển đổi xanh, cũng như đảm bảo sự hòa nhập của người yếu thế trong quá trình này còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn chưa đồng bộ, thống nhất, hiệu quả đạt được chưa cao.

Người yếu thế chưa thực sự tham gia rộng rãi vào đóng góp ý kiến cho xây dựng các chính sách. Do đó, các chính sách chưa phản ánh được đúng những quan điểm, mong muốn, nguyện vọng của người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh cũng như phát triển bền vững cho chính họ.

5. Một số giải pháp thúc đẩy bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong chuyển đổi xanh ở nước ta đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Để thúc đẩy bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong chuyển đổi xanh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhiều giải pháp, chính sách đồng bộ cần được nghiên cứu sâu sắc và tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, quyết liệt và tập trung vào một số điểm sau:

Một là, tăng cường nghiên cứu và củng cố hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, chặt chẽ cho quá trình chuyển đổi xanh, nhất là ban hành hệ thống tiêu chuẩn xanh quốc gia hài hòa với các tiêu chuẩn của thế giới, làm cơ sở để xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi phù hợp theo từng lĩnh vực chuyên ngành. Từ đó, tiếp tục cụ thể hóa theo từng tiêu chí phù hợp với người yếu thế, chẳng hạn đối với các chính sách sử dụng lao động là người yếu thế được hỗ trợ tiếp cận vốn ưu đãi trong sản xuất, kinh doanh cần bổ sung mức hỗ trợ khi đầu tư vào các ngành/lĩnh vực phù hợp với chuyển đổi xanh.

Hai là, một mặt thúc đẩy lồng ghép các dự án cho người yếu thế trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, mặt khác cần nhanh chóng ban hành các chính sách cụ thể theo hướng chuyển đổi xanh toàn diện, không chỉ dừng lại ở nông nghiệp, lâm nghiệp mà còn phải đẩy mạnh sang cả công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, tài chính...; không chỉ ở phát triển sinh kế mà cần có các dự án riêng về việc làm cho những lao động bị chuyển đổi; đi kèm là các cam kết mạnh mẽ về nguồn vốn đầu tư.

Ba là, rà soát và điều chỉnh các mức hỗ trợ cho người yếu thế phù hợp với thực tiễn cũng như yêu cầu của chuyển đổi xanh như nâng cao mức hỗ trợ người yếu thế tham gia đào tạo các ngành nghề xanh và đáp ứng được yêu cầu của đầu ra hay ưu tiên hỗ trợ xây dựng dự án về năng lượng tái tạo. Đồng thời, đảm bảo có mức hỗ trợ cao hơn mức chung về bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội cho người yếu thế bị tác động tiêu cực của chuyển đổi xanh.

Bốn là, thúc đẩy sự tham gia của người yếu thế ngay từ các khâu chuẩn bị, xây dựng cho đến triển khai chính sách nhằm khuyến khích được sự tự tin của người yếu thế. Tăng cường đối thoại với người yếu thế bị ảnh hưởng trực tiếp bởi quá trình triển khai các dự án xây dựng trên địa bàn như phát triển các công trình năng lượng tái tạo, nhà máy xử lý rác thải.... Thúc đẩy các chính sách bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên, trong đó, ưu tiên chú trọng đến tạo việc làm, sinh kế ổn định của người yếu thế bị ảnh hưởng.

Năm là, xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả đối với các mục tiêu tăng trưởng xanh nói chung cũng như các mục tiêu dành riêng cho người yếu thế, toàn diện trên các lĩnh vực về việc làm, thông tin, hạ tầng kinh tế - xã hội, dịch vụ xã hội và tiếp cận tài chính xanh. Kết hợp với các chế tài về khen thưởng và kỷ luật, xử phạt nghiêm minh để đảm bảo các chủ trương, chính sách phải thực sự đi vào cuộc sống, tăng cường niềm tin của cộng đồng, xã hội.

Sáu là, tăng cường các hoạt động truyền thông và nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội, doanh nghiệp và nhất là người yếu thế cả về cơ hội, lợi ích và thách thức của quá trình chuyển đổi xanh bằng các hình thức phù hợp theo đặc điểm của từng đối tượng như có nội dung tuyên truyền riêng bằng ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật, hoặc sử dụng ngôn ngữ tiếng dân tộc phù hợp với từng dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh các cuộc thi, phong trào dành cho người yếu thế tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh, qua đó tìm kiếm các mô hình tích cực về sản xuất - kinh doanh hiệu quả để có thể phát triển rộng rãi.

6. Kết luận

Chủ trương, định hướng về thúc đẩy bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong chuyển đổi xanh là hoàn toàn đúng đắn, ngày càng toàn diện. Nhưng còn một số khoảng trống trong quá trình cụ thể hóa, dẫn đến tình trạng thiếu các chính sách kịp thời, đầy đủ và rõ ràng, thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho người yếu thế nắm bắt được các cơ hội, vượt qua thách thức và chủ động trong chuyển đổi xanh. Thời gian tới, cần tiếp tục ưu tiên tăng cường đào tạo, tạo việc làm xanh và mở rộng sinh kế, gắn với nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống về tiếp cận y tế, giáo dục, thông tin, năng lượng để không chỉ rút ngắn khoảng cách của người yếu thế với mặt bằng chung cả xã hội mà còn đảm bảo sự hoà nhập thành công, bền vững trong dài hạn. Luôn lấy sự hài lòng và hạnh phúc của người dân nói chung, người yếu thế nói riêng là thước đo chủ yếu, quan trọng nhất đối với hiệu quả của chính sách.

Tài liệu tham khảo

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2024). *Báo cáo số 170/BC-BLĐTBXH ngày 11/10/2024 về Tổng kết thi hành Luật Việc làm 2013*. Hà Nội.

Bùi Tất Thắng (2017). Phát triển kinh tế bền vững và những vấn đề đặt ra đối với đầu tư công. Truy xuất tại https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttnctdbh/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM117180, ngày 10/8/2024.

Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2024). *Công văn số 1108/LN-KH&HTQT ngày 26/7/2024 về việc thông tin về tình hình triển khai dịch vụ hấp thụ và lưu giữ Carbon rừng gửi các địa phương*. Hà Nội.

Đ. Khoa (2023). Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2016-2020: Không đạt mục tiêu vì thiếu vốn. Truy xuất tại <http://baokiemtoan.vn/chuong-trinh-muc-tieu-cap-dien-nong-thon-mien-nui-va-hai-dao-giai-doan-2016-2020-khong-dat-muc-tieu-vi-thieu-von-23933.html>, ngày 10/8/2024.

FPT (2024). Giá trung bình của điện thoại thông minh. Truy xuất tại: <https://fptshop.com.vn/dien-thoai?muc-gia=duoi-2-trieu&he-dieu-hanh=android&sort=noi-bat>, ngày 10/8/2024;

- Geall, S., Shen, W. and Gongbuzeren (2017). *Solar PV and Poverty Alleviation in China: Rhetoric and Reality*. STEPS Working Paper 93, Brighton: STEPS Centre.
- Global Green Growth Institute (2023). GGGI Technical Report No. 32 - Measuring performance in achieving SDG targets. Truy xuất tại: https://gggi.org/wp-content/uploads/2024/06/2023-Global-Green-Growth-Index-Technical-Report_FIN.pdf, ngày 10/8/2024.
- Global Green Growth Institute (2020). GGGI Technical Report No. 11 - Green Growth in Action: Achieving Green Energy Transformation. Truy xuất tại: https://gggi.org/wp-content/uploads/2020/05/Achieving-Green-Energy-Transformation_WEB-PAGE.pdf, ngày 10/8/2024.
- GSO (2024). *Niên giám thống kê Việt Nam 2023*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
- GSO (2024). Thông cáo báo chí về kết quả điều tra Người khuyết tật năm 2023. Truy xuất tại: <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2024/11/thong-cao-bao-chi-ve-ket-qua-dieu-tra-nguoi-khuyet-tat-nam-2023>, ngày 18/11/2024.
- Hoàng Linh (2024). Bộ TT&TT công bố ngày 15/9/2024 dừng hệ thống di động 2G. Truy xuất tại: <https://ictvietnam.vn/bo-tt-tt-cong-bo-ngay-15-9-2024-dung-he-thong-di-dong-2g-64904.html>, ngày 18/11/2024.
- Hofman, J., Bruckmayer, M., Feyerabend, K., Larmour, S., Reed, M., & Lymperis, L. (2022). Green jobs and skills development for disadvantaged groups. Truy xuất tại: https://www.rand.org/pubs/research_reports/RRA1603-1.html, ngày 18/11/2024.
- Hong, X., Wu, S., & Zhang, X. (2022). Clean energy powers energy poverty alleviation: evidence from Chinese micro-survey data. *Technological Forecasting and Social Change*, 182, 121737.
- Huttunen, R., Kinnunen, M., Lemström, B., Hirvonen, P., & Kuuva, P. (2024). Finland's Integrated National Energy and Climate Plan Update. Truy xuất tại <https://julkaisut.valtioneuvosto.fi/handle/10024/165742>, ngày 10/8/2024.
- ILO (2018). *World Employment and Social Outlook 2018: Greening with jobs*. Truy xuất tại: <https://www.ilo.org/publications/world-employment-and-social-outlook-2018-greening-jobs>, ngày 10/8/2024
- Jamalishahni, T., Turrell, G., Foster, S., Davern, M., & Villanueva, K. (2023). Neighbourhood socio-economic disadvantage and loneliness: the contribution of green space quantity and quality. *BMC public health*, 23(1), 598.
- Ministry of Enviroment (2022). Finland's national climate policy. Truy xuất tại <https://ym.fi/en/finland-s-national-climate-change-policy>, ngày 10/8/2024.
- OHCHR (2021). Questionnaire in relation to Human Rights Council Resoultion A/HRC/RES/21 on human rights and climate change. Truy xuất tại: <https://ohchr.org> ngày 10/8/2024.
- Supreme Court of Norway (2021). *Licences for wind power development on Fosen ruled invalid as the construction violates Sami reindeer herders' right to enjoy their own culture*. Truy xuất tại <https://www.domstol.no/en/supremecourt/rulings/2021/supreme-court-civil-cases/hr-2021-1975-s/>, ngày 10/8/2024.
- Symons, A. (2024). Norway agrees to compensate Indigenous people over land for Europe's largest onshore wind farm. Truy xuất tại <https://www.euronews.com/green/2024/03/07/sami-activists-backed-by-greta-thunberg-reach-deal-to-save-reindeer-farming-from-giant-win>, ngày 10/9/2024.
- Thanh Hoa (2023). Khoảng 31,7% người khuyết tật từ 15 tuổi trở lên có việc làm. Truy xuất tại <https://nhandan.vn/khoang-317-nguoi-khuyet-tat-tu-15-tuoi-tro-len-co-viec-lam-post743953.html>, ngày 10/8/2024.

Tùng Lâm (2024). Lộ trình tắt sóng 2G: để không ai bị bỏ lại phía sau. Truy xuất tại: <https://dantocmiennui.vn/lo-trinh-tat-song-2g-de-khong-ai-bi-bo-lai-phia-sau-post-353081.html>, ngày 10/8/2024.

UNICEF (2023). Báo cáo Đánh giá ứng dụng năng lượng tái tạo & tiết kiệm năng lượng trong cấp nước nông thôn ở Việt Nam. Truy xuất tại <https://www.unicef.org/>, ngày 10/8/2024.

Zhang, H., Wu, K., Qiu, Y., Chan, G., Wang, S., Zhou, D., & Ren, X. (2020). Solar photovoltaic interventions have reduced rural poverty in China. *Nature communications*, 11(1), 1969.